TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Công Hòa

Bà Hà Thị Thúy Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Bích Ngọc– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1997

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm 1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D kết hôn với anh Vi Văn T và đầu năm 2013, trước khi kết hôn vợ chồng không được tự do tìm hiểu mà do gia đình hai bên

mai mối, giới thiệu, nhưng sau đó anh chị tự nguyện kết hôn, không bị ép buộc gì. Đến ngày 28/10/2014 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn B, xã N cùng với gia đình nhà chồng. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng đối xử với nhau bình thường. Quá trình chung sống đến khoảng năm 2014, năm 2015 anh Vi Văn T không tu chí làm ăn mà hay đi uống rượu, đánh cờ bạc, nhiều lần uống rượu về hay chửi mắng và đánh chị Hoàng Thị D. Chị Hoàng Thị D đã nhiều lần nhờ gia đình hai bên nội ngoại khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016, chị D đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã N ở từ đó đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau. Hiện nay, xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Vi Văn T nữa nên chị Hoàng Thị D yêu cầu được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Vi Tuấn K, sinh ngày 16/11/2013, hiện đang ở với anh Vi Văn T và ông bà nội tại thôn B, xã N, huyện B. Khi ly hôn, chị Hoàng Thị D yêu cầu anh Vi Văn T là người trực tiếp nuôi con, tại đơn khởi kiện chị có ý kiến là sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng trên một tháng), tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Hoàng Thị D xin thay đổi ý kiến là chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng trên một tháng), hiện nay chị D đang đi làm thuê ở tỉnh Bắc Ninh mức thu nhập hàng tháng là 5.000.000 đồng /tháng chị còn phải chi phí cho việc thuê nhà trọ, ăn uống, sinh hoạt hằng ngày.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án anh Vi Văn T vắng mặt, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như kết quả xác minh với đại diện thôn B, xã N và kết quả xác minh tại gia đình anh Vi Văn T, đại diện thôn B, xã N và bà Dương Thị V là mẹ đẻ của anh Vi Văn T cư trú tại thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đều khẳng định anh Vi Văn T vẫn cư trú tại thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh Vi Văn T bà đều thông báo cho anh T và anh T có biết việc chị Hoàng Thị D hiện nay đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh và biết việc Tòa án đã gửi, tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập anh đến Tòa án tham gia tố tụng. Tuy nhiên, anh Vi Văn T không đến Tòa án tham gia tố tụng mà không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Vi Văn T không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, chị Hoàng Thị D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Hoàng Thị D đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Vi Văn T vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Vi Văn T. Về con chung: Giao cháu Vi Tuấn K, sinh ngày 16/11/2013 cho anh Vi Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giao dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ghi nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị D về việc cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Hoàng Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa lần hai bị đơn anh Vi Văn T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị D và anh Vi Văn T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 28/10/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị D và anh Vi Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Vi Văn T không tu chí làm ăn, hay chơi bời cờ bạc nên thường xuyên cãi chửi và đánh nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị D và anh Vi Văn T thấy rằng: Anh Vi Văn T không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn và cũng không có ý kiến gì về việc chị Hoàng Thị D có đơn xin ly hôn với anh. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị D và anh Vi Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Hoàng Thị D yêu cầu ly hôn với anh Vi Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Có 01 người con chung tên là Vi Tuấn K, sinh ngày 16/11/2013 vì hiện nay cháu đang ở với anh Vi Văn T. Khi ly hôn chị Hoàng Thị D yêu cầu anh Vi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, chị Hoàng Thị D sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1000.000 đồng/tháng (một triệu đồng trên một tháng). Còn anh Vi Văn T quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Hoàng Thị D về con chung là có căn cứ nên cần chấp nhận, giao con chung là cháu Vi Tuấn K, sinh ngày 16/11/2013 cho anh Vi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), đó cũng là nguyện vọng của cháu Vi Tuấn K, ghi nhận việc chị Hoàng Thị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng trên một tháng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/01/2023), chị Hoàng Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Hoàng Thị D trình bày là không có, quá trình giải quyết vụ án anh Vi Văn T vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Hoàng Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Hoàng Thị D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/002790 ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Chị Hoàng Thị D phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Vi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Vi Tuấn K, sinh ngày 16/11/2013 cho anh Vi Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ghi nhận việc chị Hoàng Thị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng trên một tháng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/01/2023); chị Hoàng Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Hoàng Thị D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0002790 ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Chị Hoàng Thị D phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị D có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Vi Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Nhất Hòa, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Ngọc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Vũ Lăng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XET XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Tú **Hoàng Văn Đạo** **Dương Thị Ngọc**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Ngọc